

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31/10/2018
“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Quang Trung;
2. Bà Nguyễn Phan Thùy Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phát Huy, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 31/10/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 324/2018/TLST-HN ngày 19 tháng 9 năm 2018 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2018/QĐXXST - HN ngày 17 tháng 10 năm 2018 và Quyết định số 125/QĐCA – TA ngày 30/10/2018 Quyết định của Chánh án về việc thay đổi người tiến hành tố tụng, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Kim T, sinh năm 1998,

Nơi cư trú: Tổ 07, khóm Châu Tha, phường Châu P, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến Th, sinh năm 1992,

Nơi cư trú: Tổ 16, khóm Mỹ Thà, phường Vĩnh M, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Người làm chứng: Bà Ngô Thị Thu B, sinh năm 1972,

Nơi cư trú: Tổ 16, khóm Mỹ Thà, phường Vĩnh M, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Chị Lê Thị Kim T và anh Nguyễn Tiến Th có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt;
Bà Ngô Thị Thu B có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 19/9/2018 và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Kim T trình bày:

Chị (Lê Thị Kim T) và anh Nguyễn Tiến Th tự tìm hiểu yêu thương nhau và đi đến hôn nhân vào năm 2016, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh M, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang ngày 27/4/2016.

Chị Lê Thị Kim T khai: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Anh Th thường xuyên rượu chè và quan hệ với người phụ nữ khác. Hiện chị và Th không còn sống chung với nhau. Nay tình cảm đã hết, chị có yêu cầu ly hôn anh Th.

Về con chung: Chị T khai, trong thời kỳ hôn nhân chị và anh Th sanh 01 (một) con chung tên Nguyễn Tiến P, sinh ngày 20/11/2015. Hiện do anh Th nuôi dạy, chị không tranh chấp và đồng ý giao con chung cho anh Th nuôi dạy, chị tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng là 3.000.000 (ba triệu) đồng để anh Th nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh Th không tạo lập tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã triệu tập anh Nguyễn Tiến Th không đến Tòa án nhưng anh Th có gửi bằng tự khai có nội dung thống nhất thời gian và điều kiện đi đến hôn nhân theo trình bày của chị Th; về con chung: Anh và chị T sống chung có sanh 01 con chung tên Nguyễn Tiến P, sinh ngày 20/11/2015 hiện do anh đang nuôi dạy; về tài sản chung – nợ chung: không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dạy con chung và đồng ý việc chị T cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng để anh nuôi con chung.

Bà Ngô Thị Thu B là mẹ của anh Nguyễn Tiến Th là người trực tiếp ký nhận qua trung gian các văn bản tố tụng của Tòa án: Thông báo thụ lý vụ án số 324/TBTLVA ngày 19/9/2018; Thông báo thu thập tài liệu chứng cứ ngày 19/9/2018; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 19/8/2018; Thông báo V/v thu thập tài liệu, chứng cứ số 479/2018/TB – TA ngày 19/9/2018; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 579/TB – TA ngày 02/10/2018; Quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 11/9/2018/QĐST – HN ngày 15/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, bà Thu B đã thông báo cho anh Th biết việc T kiện ly hôn nên gửi cho Tòa án bằng tự khai đề ngày 16/10/2018 có nội dung là đồng ý thuận tình ly hôn, do Th bận làm thuê nên không thể đến Tòa án, bà xác định hai vợ chồng T – Th đã không còn sống chung từ năm 2016 cho đến nay; về tài sản chung – nợ chung: không có.

Theo Sổ hộ khẩu gia đình do bà Thu B cung cấp có thể hiện anh Nguyễn Tiến Th có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Tổ 16, khóm Mỹ Thà, phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang. Bà B cho biết, anh Th sống chung nhà với bà tại địa chỉ trên.

Tại phiên toà, hội đồng xét xử công bố lời khai của chị Lê Thị Kim T; anh Nguyễn Tiến Th và bà Ngô Thị Thu B.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Đối với nguyên đơn: Chị T đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định pháp luật;

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chị Lê Thị Kim T và anh Nguyễn Tiến Th có đăng ký kết hôn nên được xem là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Trong quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân nhau từ năm 2016 đến nay, từ đó cho thấy hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T và anh Th đồng ý thuận tình ly hôn. Vì vậy, ông nhận sự thuận tình ly hôn là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung:

Chị Lê Thị Kim T và anh Nguyễn Tiến Th xác định có một con chung tên: Nguyễn Tiến P, sinh ngày 20/11/2015 và thống nhất giao cho anh Th nuôi dạy, chị T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng. Tính đến nay, mặc dù cháu P dưới 36 tháng tuổi, nhưng cháu đang sống với anh Th nên việc thỏa thuận nuôi con chung trên là đảm bảo lợi ích cho cháu bé và phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên công nhận sự thỏa thuận trên.

Về tài sản chung - nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Chị Lê Thị Kim T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Tiến Th. Đồng thời, anh Th cư trú trên địa bàn thành phố Châu Đốc. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về vắng mặt của đương sự:

Chị Lê Thị Kim T và anh Nguyễn Tiến Th có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 199 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân:

Năm 2016, chị Lê Thị Kim T và anh Nguyễn Tiến Th đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Mỹ, thành phố Châu Đốc ngày 27/4/2016, công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Chứng cứ chị T đưa ra để yêu cầu ly hôn anh Th là cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, anh chị không còn sống chung từ hơn một năm nay. Tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn, chị T xin ly hôn anh Th.

Anh Nguyễn Tiến Th nộp bảng tự khai, nội dung thống nhất về thời gian và điều kiện đi đến hôn nhân; về con chung; về tài sản chung – nợ chung như trình bày của chị T. Anh đồng ý thuận tình ly hôn, xin nuôi con chung tên Nguyễn Tiến P, sinh ngày 20/11/2015 và đồng ý mức cấp dưỡng 3.000.000 (Ba triệu) đồng của chị T/tháng.

Bà Ngô Thị Thu B (mẹ của anh Nguyễn Tiến Th cung cấp), Kim T và Th kết hôn và sanh 01 con chung tên Nguyễn Tiến P, sinh ngày 20/11/2015 hiện do anh Nguyễn Tiến Th đang nuôi dạy, hiện nay cả hai đã không còn sống chung với nhau; bà Thu B cho biết Th có biết việc Kim T xin ly hôn, Th đồng ý thuận tình ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn; về tài sản chung – nợ chung, không có (có gởi bảng tự khai nhưng do đi làm thuê không thể đến Tòa án).

Khoản 2 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ, chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”; Xét thấy, chị T và anh Th không còn sống chung thời gian dài là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Th và anh Th đồng ý thuận tình ly hôn nên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh Th.

[Về con chung]:

Chị T và anh Th sống chung sanh 01 con chung tên: Nguyễn Tiến P, sinh ngày 20/11/2015 hiện do anh Th đang nuôi dạy, chị T đồng ý giao con chung cho anh Th nuôi dạy con chung, không tranh chấp.

Xét, cháu P hiện anh Th đang nuôi dạy, cuộc sống cháu ổn định, chị T không tranh chấp, công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con chung giữa chị T và anh Th.

Về mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng, thời gian cấp dưỡng:

Chị T tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 đồng để anh Th nuôi con chung, mức cấp dưỡng trên được anh Th đồng ý, nghĩ nên công nhận sự thỏa thuận trên.

Anh Nguyễn Tiến Th cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị Lê Thị Kim T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[Về tài sản chung – nợ chung]:

Chị T và anh Th khai không có, phù hợp lời khai của bà Thu B (mẹ anh T), nên không đề cập đến giải quyết.

[Về án phí]:

Chị Lê Thị Kim T tự nguyện chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị T đã nộp; chị T nộp thêm 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Tiến Th không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 và điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. *[Về quan hệ hôn nhân]:*

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Kim T và anh Nguyễn Tiến Th;

2. *[Về con chung]:*

Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Lê Thị Kim T và anh Nguyễn Tiến Th về việc nuôi con chung, mức cấp dưỡng:

Anh Nguyễn Tiến Th tiếp tục nuôi dạy cháu: Nguyễn Tiến P, sinh ngày 20/11/2015, chị Kim T cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 (Ba triệu) đồng để anh Th nuôi con chung. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 30/11/2018.

Anh Nguyễn Tiến Th cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị Lê Thị Kim T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. *[Về án phí sơ thẩm]:*

Chị Lê Thị Kim T tự nguyện chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0007555 ngày 19 tháng 09 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; Chị Lê Thị Kim T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Tiến Th không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị Lê Thị Kim T và anh Nguyễn Tiến Th vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP. Châu Đốc (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kiều Nga

